Tích truyện Pháp cú - Phẩm 21 - TẠP LỤC

ISSN: 2734-9195 17:25 17/06/2024

Tích truyện Pháp cú - Phẩm 21 - TẠP LỤC

> Tập "Tích truyện Pháp cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải (Dhammapada Commentary) bằng tiếng Pàli.

Tích truyện Pháp cú - Phẩm 21 - TẠP LỤC**1. Sông Hằng Dâng Nước** Nhờ từ bỏ lạc nhỏ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan những hành động quá khứ của Ngài. Một thuở, thành Tỳ-xá-ly là một đô thị giàu mạnh, dân cư đông đúc. Có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử nối nhau trị vì. Mỗi ông hoàng có cung điện riêng, nhiều đền chùa, lâu đài, công viên, hồ tắm ở khắp nơi trong xứ. Tóm lại đó là một thành phố sung túc.

Nhưng ít lâu sau nguồn lương thực bị cạn dần, rồi mất mùa, kế đến là nạn đói. Những người nghèo đói chết trước nhất, tử thi của họ bị vất khắp nơi, mùi hôi thúi xông lên quyến rũ một số ác quỷ. Bọn này tung hoành làm một số người chết thêm, mùi hôi xác chết kinh khiếp đưa đến bệnh dịch. Như vậy có ba thiên tai xảy ra: nạn đói, ác thần và bệnh dịch.

Dân cư trong thành họp lại dâng kiến nghị lên nhà vua: - Đại vương! Trong thành chúng ta đang bị ba thiên tai, trong thời bảy vua quá khứ không hề xảy ra điều này. Thời của vị minh quân nào đã qua cũng không có thiên tai đến như thế. Nhà vua họp đại hội toàn quốc, tuyên bố: - Có thể ta phạm một vài lỗi lầm, hãy phán xét ta. Dân chúng tìm tòi những hành vi của nhà vua từ trước đến giờ, không thấy lỗi gì. - Đại vương, chúng tôi không tìm thấy lỗi nơi ngài.

Họ họp nhau, tìm cách giảm bớt những thiên tai đang xảy ra. Một số người đề nghị tế lễ, cầu cúng, hội hè, nhưng thiên tai không giảm bớt. Số người khác đưa kế hoạch: - Hiện đang có sáu vị giáo chủ nhiều quyền năng, chúng ta mời các vị ấy đến xem may ra có giảm bớt thiên tai. Người khác nói: - Đấng Toàn Giác đã

hiện ra nơi đời, Ngài là đấng Thế Tôn giảng dạy giáo lý cứu khổ cho chúng sanh. Ngài có nhiều thần thông và quyền lực siêu nhiên. Nếu Ngài đến đây, thiên tai sẽ giảm.

Mọi người tán thành ý kiến sau cùng. - Hiện nay Thế Tôn đang ở đâu? Lúc ấy, gần đến ngày an cư, đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, theo lời hứa với vua Tần-bà-sa-la. Và lúc đó, có một ông hoàng dòng Licchavi tên là Mahàli, là người trong hội đồng hoàng tộc của vua Tần-bà-sa-la, đã chứng quả Dự-lưu, có mặt trong hội nghị.

Dân Tỳ-xá-ly sắm sửa phẩm vật long trọng gởi kèm theo ông hoàng Mahàli, cùng với con trai của vị tư tế, đến thành Vương-xá để xin thỉnh Phật. Hoàng tử Mahàli và con trai thầy tư tế đến gặp vua Tần-bà-sa-la dâng phẩm vật, nói rõ lý do và thỉnh cầu: - Đại vương! Hãy để đức Thế Tôn đến thành phố chúng tôi. Nhà vua chỉ nói: - Các ông là những người thông minh, có thể tự thỉnh lấy. Họ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa: - Bạch Thế Tôn, tại thành phố chúng con có ba thiên tai tàn phá. Nếu Ngài đi đến đó chúng sẽ giảm bớt. Xin Ngài đến với chúng con.

Đức Phật nghe xong lời thỉnh cầu, quan sát và dự biết rằng, ngay khi câu kinh Kim Cương được đọc tụng tại Tỳ-xá-ly, sẽ làm chấn động tam thiên thế giới. Khi bài kinh kết thúc, sẽ có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn, và thiên tai giảm thiểu Ngài nhận lời.

Vua Tần-bà-sa-la nghe tin Phật nhận lời đến Tỳ-xá-ly, bèn ra lệnh báo tin khắp thành Vương-xá, còn vua đến chỗ Phật, thưa: - Bạch Thế Tôn, có phải Ngài sắp đi đến Tỳ-xá-ly. - Đúng vậy, đại vương! - Nếu thế, xin hãy đợi con dọn dẹp đường.

Nhà vua ra lệnh dọn con đường dài năm dặm, từ thành Vương-xá đến bờ sông Hằng, mỗi dặm đặt một trạm nghỉ chân. Khi đâu đó xong xuôi, nhà vua báo tin cho Phật biết rằng Ngài có thể lên đường. Đức Phật ra đi, dắt theo năm trăm vị Tỳ-kheo. Trên mỗi dặm đường, nhà vua ra lệnh trải hoa ngũ sắc ngập đến đầu gối, cờ lọng giăng đầy, hai lọng trắng che trên đức Thế Tôn, còn mỗi vị Tỳ-kheo một lọng trắng. Chung quanh Phật và các Tỳ-kheo, nhà vua tung hoa, rắc hương, mỗi trạm nghỉ đêm nhà vua cúng dường vật thực thật nhiều.

Trong năm ngày, nhà vua đưa Phật ra đến bờ sông, trang hoàng một chiếc thuyền lộng lẫy rồi nhắn tin cho dân thành Tỳ-xá-ly: - Hãy sửa soạn đường sá và cung nghinh đức Thế Tôn.

Dân Tỳ-xá-ly tự nhủ: "Chúng ta sẽ đón tiếp Thế Tôn long trong gấp hai lần vua Tần-bà-sa-la". Vì thế, từ bờ sông Hằng đến Tỳ-xá-ly dài ba dặm, họ dọn đất bằng phẳng dựng cờ lọng dãy cao dãy thấp, dành riêng cho Phật bốn lọng, các Tỳ-kheo mỗi vị hai lọng. Chuẩn bị xong, họ đứng chờ bên này bờ sông.

Vua Tần-bà-sa-la cột hai chiếc thuyền lại với nhau, dựng mái che ở trên, trang hoàng đầy hoa rực rỡ, đặt một chiếc ghế bằng các loại ngọc cho Phật ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào ghế, chư Tỳ-kheo bước xuống thuyền, ngồi vây quanh đức Phật. Nhà vua đi theo thuyền, lội xuống nước tận đến cổ, và bạch Phật. - Bạch đức Thế Tôn, con sẽ ở lại bên bờ sông này, đợi Ngài trở về.

Nói xong, vua đẩy thuyền ra giữa dòng và trở vào. Sau khi thuyền bơi được một dặm, Phật đến giang phận thành Tỳ-xá-ly. Các hoàng tử dòng Licchavi đến đón đức Phật, họ cũng lội xuống nước ngang cổ, kéo thuyền vào bờ và đưa đức Phật rời thuyền lên bờ.

Khi Phật vừa đặt chân lên bờ, một cơn bão lớn nổi lên, mưa như trút, nước dâng lên cao, cuốn sạch các tử thi xuống sông, và toàn thể thành phố trở nên sạch sẽ tinh khiết. Các hoàng tử Licchavi mời Phật nghỉ chân từng dặm đường, dâng cúng phẩm vật gấp đôi số phẩm vật của vua Tần-bà-sa-la.

Sau ba ngày, Phật đến Tỳ-xá-ly. Thiên chủ Đế Thích bay xuống đấy, cả chư thiên tùy tùng; với ảnh hưởng quyền lực rộng lớn như thế, các ác thần chạy trốn gần hết. Vào buổi chiều, đức Phật đứng ở cổng thành, ra lệnh cho Tôn giả A-nan. - Này A-nan, hãy nghe ta nói kinh Kim Cương và đi quanh thành trùng tụng lại để tạo năng lực bảo hộ trên ba lớp thành Tỳ-xá-ly, thành phố của các hoàng tử Licchavi.

Tôn giả A-nan tiếp nhận kinh từ kim khẩu Thế Tôn, lấy nước trong bình bát của Phật, rồi đi ra đứng tại cổng thành Tỳ-xá-ly. Tôn giả quán tưởng về tất cả công hạnh của Phật "Bắt đầu từ ý chí quyết thành Phật, đến mười Ba-la-mật của Như Lai, năm pháp đại thí, ba ân đức, là vì lợi lạc cho thế giới, vì lợi lạc cho thân quyến và cho sự tìm cầu giác ngộ;

Bồ-tát vào thai mẹ trong đời sống cuối cùng, Đản Sanh, Xuất Gia, hành Khổ Hạnh, hàng phục Ma vương, đạt Tam Minh và chín tầng Thiền Định". Quán tưởng như thế xong, Tôn giả đi vào thành, suốt ba canh trong đêm đi kinh thành trong ba lớp thành, vừa đi vừa tụng đọc kinh Kim Cương như một năng lực bảo hộ.

Khi Tôn giả đọc đến đoạn thứ ba và rải nước, những giọt nước rơi trúng các ác ma. Từ đoạn thứ ba trở đi, những giọt nước kết tụ thành những quả cầu bằng

bạc nhỏ tí, bay trên không trung đến nơi trên các người bệnh. Lập tức họ lành bệnh, trỗi dậy khắp mọi nơi và vây quanh Tôn giả. Cũng thế, khi câu kinh đoạn ba vừa đọc lên, các loài ác ma chui núp trong đống củi, đống rác, kẹt tường, khi chạm nhằm các giọt nước ấy đều trốn hết, chúng chen chúc nhau chật cửa đến nỗi phải phá tường mà chui ra.

Dân chúng dùng đủ loại hương rảy lên trên hội trường thành phố nằm ngay trung tâm Tỳ-xá-ly, cho dựng mái che ở trên gắn đầy sao vàng và các thứ trang sức khác, sắp đặt chỗ cho Thế Tôn ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào tòa, các vị Tỳ-kheo và các hoàng tử Licchavi ngồi vây quanh thành vòng tròn, rồi thiên chủ Đế Thích cùng chư thiên quyến thuộc cũng đứng vào chỗ của mình.

Tôn giả A-nan đi quanh thành vừa xong, trở về cùng với số đông các người bệnh được chữa lành, cũng đến đảnh lễ Phật, ngồi một bên. Đức Thế Tôn quan sát chúng hội, lặp lại kinh Kim Cương thêm một lần nữa. Nghe xong có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn.

Điều này xảy ra liên tiếp bảy hôm nữa, đức Thế Tôn vẫn dạy cùng một bài kinh trên. Sau đó, nhận thấy tất cả thiên tai đều tiêu trừ, Ngài giảng dạy cho các hoàng tử Licchavi xong, rời thành Tỳ-xá-ly. Các ông hoàng tôn phụng Thế Tôn gấp bội, và lần nữa suốt ba ngày theo sau Phật đến bờ sông Hằng.

Các vua rồng cư trú tại sông Hằng tự nghĩ: "Loài người đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?" Bèn hóa hiện những con thuyền bằng vàng, bạc, châu báu, trên ấy đặt ghế trân bảo, mặt nước trải đầy hoa sen ngũ sắc.

Các vua rồng thỉnh Phật lên thuyền: - Bạch Thế Tôn, xin hãy ban phước cho chúng con. Lúc ấy, chư thiên từ cõi trời Dục đến cõi trời Phạm bảo nhau: - Người và rồng đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?

Và họ cùng tôn vinh Phật. Các long vương dựng những cây lọng này kế tiếp cây lọng kia, cao một dặm và bên dưới, các long vương khác cũng làm như thế. Các loài chư thiên ở trên cây, trong rừng, trên núi, trên trời, từ thế giới rồng đến cõi trời Phạm, tụ họp thành vòng tròn, mỗi vị tay cầm lọng, giữa lọng là cờ, giữa cờ là phướn, tung hương rải hoa, rưới nước thơm.

Các thiên nam trang sức lộng lẫy như ngày hội, bay lượn trên không, ca ngợi vang rền (Theo truyền thống, có ba cuộc đại hội như thế: một vào dịp Phật hoá hiện thần thông song hành, một vào dịp Ngài từ cung trời xuống, và một vào dịp sông Hằng dâng nước). Bên bờ sông phía thành Vương-xá, vua Tần-bà-sa-la đã chuẩn bị phẩn vật gấp đôi số phẩm vật của các hoàng tử Licchavi và đứng đợi đức Phật.

Khi đức Phật nhìn thấy các phẩm vật long trọng của các vị vua hai bờ sông Hằng, nhìn thấu tư tưởng của chư thiên, long vương, Ngài bèn hóa thiện một hóa Phật và năm trăm Tỳ-kheo cho mỗi chiếc thuyền. Cũng y như thế, một vị hóa Phật ngồi dưới mỗi cây lọng trắng, một vị ngồi dưới mỗi cội cây như ý, một vị ngồi dưới mỗi vòng hoa báu, vây quanh là vô số rồng thần.

Giữa các chư thiên cõi người và cõi trời, cũng có một vị hoá Phật và đồ chúng. Như là một dịp lễ hội của toàn cõi thế giới, và để tỏ lòng chiếu cố loài rồng, trên mỗi chiếc thuyền bằng châu báu của loài rồng có một vị hóa Phật ngồi, và để chiếu cố chúng Tăng, trên mỗi thuyền châu báu đều có hóa Phật ngồi.

Long vương đưa Phật và chúng Tăng xuống long cung, nghe Phật giảng pháp suốt đêm; ngày sau cúng dường Phật và Tăng chúng những thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Sau khi hồi hướng phước báo cho vua rồng, đức Phật rời long cung, cùng đoàn thuyền năm trăm chiếc bơi ngang sông Hằng, trong sự cung nghinh của chư thiên trời Đế Thích. Vua Tần-bà-sa-la đến đón Phật, thỉnh Ngài rời thuyền, cúng dường, tiếp đón Phật long trọng gấp đôi các ông hoàng Licchavi, và đưa Phật về thành Vương-xá.

Hôm sau, các thầy Tỳ-kheo đi dự hội trở về, ngồi bàn tán tại pháp đường: - Ôi! Thần thông của đức Thế Tôn thật phi thường. Thật thành tín thay! Lòng thành kính tin tưởng của người và trời đối với Thế Tôn. Suốt tám dặm trải dài dọc theo hai bờ sông Hằng, với lòng kính tin Phật, các nhà vua đã dọn bằng phẳng đất đai, trải cát sạch, rải hoa ngập đến đầu gối. Còn long vương thì rắc hoa sen ngũ sắc đầy trên sông, cờ lọng giăng từ thấp lên đến các tầng trời, toàn cõi thế giới trang hoàng như ngày lễ.

Đức Phật đến gần và hỏi: - Các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì? Và khi nghe kể lại, Ngài bảo: - Sự tôn kính và các phẩm vật ấy dành cho Ta không phải do thần thông của Phật, không phải do thần thông của long vương và chư thiên. Đó là do một phẩm vật đơn sơ Ta đã cúng dường từ quá khứ, mà hiện tại Ta nhận được như thế. Các thầy Tỳ-kheo hỏi lý do. Đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ.

A. Bà La Môn Samkha Thuở xưa, cách đây rất lâu, có một người Bà-la-môn tên Samkha, cư ngụ tại Takkasilà, ông có một người con trai mười sáu tuổi tên Susìma. Ngày kia Susìma nói với cha: - Thưa cha, con muốn đến Ba-la-nại, học tập kinh điển. - Tốt lắm, ta có một người bạn Bà-la-môn ở đấy, con sẽ học với ông ta.

Susìma nghe lời cha, đến Ba-la-nại tìm người thầy Bà-la-môn. Người Bà-la-môn nhận con của bạn mình làm đồ đệ. Và sau khi đã nghỉ ngơi, chàng bắt đầu học

với thầy. Chàng học rất nhanh, rất nhiều và nhớ hết, không sót một điều gì, như sữa sư tử đựng trong bình vàng, không chảy ra giọt nào. Không bao lâu chàng học hết của thầy những gì đáng học. Chàng đọc tụng thông suốt, hiểu thấu đoạn đầu, đoạn giữa, nhưng không hiểu đoạn cuối.

Chàng thưa điều ấy với thầy, thầy bảo: - Này con, ta cũng không hiểu đoạn cuối. - Vậy ai là người hiểu đoạn cuối, thưa thầy. - Ở Isipatana có những bậc hiền triết, may ra hiểu thấu, con hãy đến đấy hỏi. Susìma đến chỗ các vị Phật Độc Giác và hỏi: - Có thật là các Ngài hiểu rõ đoạn này? - Phải, chúng ta hiểu. - Xin hãy dạy cho con. - Chúng ta không dạy cho người chưa xuất gia. Nếu con muốn học, hãy trở thành Sa-môn.

Chàng Susìma đồng ý xuất gia và trở thành một Sa-môn trong giáo đoàn của các vị Độc Giác. Các Ngài dạy thầy Sisìma: "Hãy mặc hạ y như thế này, hãy mặc thượng y như thế..." Như thế, thầy học oai nghi của người sơ cơ. Ở lại đây như một đồ đệ ngoan ngoãn, thầy học hết những gì được dạy, vì có khả năng đặc biệt nên không bao lâu thầy đạt quả vị Độc Giác.

Danh tiếng Susìma nổi như cồn trong thành Ba-la-nại như mặt trăng tròn trên bầu trời, Ngài nhận nhiều sự tôn kính và cúng dường. Chẳng bao lâu, Phật Độc Giác Susìima nhập Niết-bàn, bởi vì các nghiệp Ngài tạo tác chỉ đưa đến một thọ mạng ngắn. Các vị Phật Độc giác và dân chúng làm lễ hỏa táng trọng thể, thu nhập xá lợi, xây tháp thờ tại cổng thành.

Khi ấy, người cha nghĩ thầm: "Con ta đi khá lâu, ta sẽ đi tìm thăm xem việc gì xảy ra cho nó". Ông đến Ba-la-nại, thấy đám đông dân chúng, ông nghĩ: "Chắc có vài người biết về con ta". Ông bước đến hỏi: - Trước đây có một thanh niên tên Susìma từng đến thành này, các vị có biết tin tức gì về chàng ấy? - Chúng tôi biết! Người ấy học hết ba bộ Vệ-đà tại nhà Bà-la-môn nọ, sau đó xuất gia làm Sa-môn, đạt quả vị Độc Giác và nhập Niết-bàn. Tháp này là tháp của vị ấy.

Nghe nói xong, Bà-la-môn đập tay xuống đất, khóc than kể lể, đi chung quanh tháp. Ông nhổ sạch cỏ quanh tháp, dùng áo đựng cát sạch rải chung quanh tháp, tưới nước, tung hoa để tỏ lòng kính trọng, trải áo ra như một lá phướn và cắm cây lọng của mình che trên tháp, xong rồi đi về.

Kể xong chuyện, Phật kết luận: - Lúc ấy Ta là Bà-la-môn Samkha, do phước báo nhổ cỏ chung quanh tháp của vị Phật Độc Giác Susìma, nên hiện tại ông hoàng dọn sạch con đường dài tám dặm, không còn cây cỏ, đất bằng phẳng. Vì Ta trải cát quanh tháp, nên con đường dài Ta đi hôm nay cũng được rải cát.

Vì Ta tung hoa lên tháp nên hôm nay các loại hoa được rải trên đường, và một dặm trên sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Vì Ta tưới nước quanh tháp nên khi ta vừa đến Tỳ-xá-ly một trận mưa rơi xuống. Vì Ta treo cờ cắm lọng nên toàn thể chư thiên cầm cờ lọng cao đến tận trời. Này các Tỳ-kheo, các phẩm vật và những sự tôn kính ấy không phải tự nhiên đến với ta do thần lực của Ta là thật, không do thần lực của trời, rồng. Trái lại từ thần lực có từ những phẩm vật thô sơ Ta cúng dường từ thời quá khứ.

Ngài nói kệ: (290) Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn, Bậc trí bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn.

2. Không Lấy Oán Báo Oán Gieo khổ đau cho người... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một người đàn bà ăn trứng của một con gà.

Trong một ngôi làng không xa thành Xá-vệ, có một người đánh cá. Một hôm trên đường đi đến thành Xá-vệ, ông bắt gặp một vài cái trứng rùa dọc theo bờ sông Aciravatì, ông bèn nhặt lấy. Đến Xá-vệ, ông vào nhà người quen, luộc mấy quả trứng, khi ngồi ăn ông cho cô con gái chủ nhà một trứng. Cô bé ăn xong, đòi ăn thêm, bà mẹ phải lấy trứng trong ổ con gà mái luộc cho cô. Cô bé ăn trứng gà, từ đó cô đâm thích món ăn này và thường tự lấy trứng ăn.

Con gà mẹ để ý rằng mỗi lần mình đẻ trứng đều bị cô bé mang đi ăn hết; nổi cơn bất bình oán hận cô, nó thề rằng: "Khi tôi chết, tôi sẽ tái sanh làm chằn tinh, ăn thịt mấy đứa con cô này". Sau khi chết nó trở lại làm con mèo của nhà này, còn cô bé trở lại làm gà mái. Gà mái đẻ trứng đều bị mèo ăn hết, như vậy đến ba lần.

Gà mái tức quá bèn trù: "Ba lần ngươi ăn trứng của ta, còn muốn ăn thịt cả ta. Khi ta tái sanh, ta sẽ nhai xương ngươi và con ngươi". Sau đó gà mái sanh làm beo rừng, con mèo thành con nai. Khi nai có con, beo đến ăn thịt cả mẹ lẫn con. Như thế trong năm trăm kiếp liên tục, họ ăn nuốt lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau. Cuối cùng một bên làm bà chằn, một bên làm phụ nữ trong thành Xá-vệ.

Câu chuyện tiếp diễn như cũ, cho đến khi gặp Phật, Ngài dạy câu: (291) Gieo khổ đau cho người, Mong cầu lạc cho mình, Bị hận thù ràng buộc, Không sao thoát hận thù. Hai kẻ thù nghe xong, bà chằn xin quy y, thọ năm giới. Không còn hận thù, người đàn bà nọ cũng chứng Sơ quả. Hội chúng đều được lợi ích.

3. Các Tỳ Kheo Phù Hoa Việc đáng làm không làm... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại hang động Jàtiyà gần Bhaddiya, liên hệ đến các Tỳ-kheo Bhaddiya.

Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại động Jàtiyà, gần thành Bhaddiya. Các Tỳ-kheo ở đây có thói quen trang trí giày dép của các thầy, như trong Vệ-đà diễn tả "Các Tỳ-kheo ở Bhaddiya có thói quen mang những đôi dép sặc sỡ đủ kiểu". Họ tự làm hoặc đặt làm những đôi dép bằng vật liệu quý nhẹ, đắt tiền, đúng mốt, hợp thời trang... Như thế họ lơ là với học hỏi, giới luật, thiền định, trí tuệ.

Các Tỳ-kheo khác thấy thế rất bực tức, bèn bạch với Phật. Phật quở trách mấy thầy ham chưng diện này: - Các ông đến đây vì mục đích gì, mà bây giờ đeo đuổi chuyện vô ích như thế? Ngài nói kệ: (292) Việc đáng làm, không làm, Không đáng làm, lại làm, Người ngạo mạn, phóng dật, Lậu hoặc ắt tăng trưởng. (293) Người siêng năng cần mẫn, Thường thường quán thân niệm, Không làm việc không đáng, Gắng làm việc đáng làm. Người tư niệm giác tỉnh, Lậu hoặc được tiêu trừ. Các thầy Tỳ-kheo ưa đẹp này nghe xong, liền chứng A-la-hán, hội chúng cũng được lợi ích.

4. Sa-Môn Giết Cha Mẹ Sau khi giết mẹ cha...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya. Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên, có một số Tỳ-kheo đến viếng thăm Ngài. Sau khi đảnh lễ, các thầy kính cẩn lui ngồi một bên. Khi ấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi ngang đấy không xa. Đức Phật biết tâm của các Tỳ-kheo đúng lúc, Ngài nhìn

Tôn giả và nói với các Tỳ-kheo. - Các ông hãy nhìn kia! Đó là Tỳ-kheo đã giết cha, giết mẹ, thoát khổ đau. - Đức Thế Tôn nói gì thế? Các Tỳ-kheo kêu lên, nhìn nhau, nghi ngờ, và hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Ngài nói gì?

Phật bèn nói kệ: (294) Sau khi giết mẹ cha, Giết hai vua Sát-lợi, Giết vương quốc, quần thần, Vô ưu, Phạm chí sống. Nghe xong các thầy chứng A-la-hán. Câu chuyện liên quan câu kệ sau cũng giống như chuyện trên, Phật cũng nói về Tôn giả Lakuntaka: (295) Sau khi giết mẹ cha, Hai vua Bà-la-môn, Giết hổ tướng thứ năm (nghi) Vô ưu, Phạm chí sống.

[Theo Chú Giải: "... Mẹ (mata) là ẩn dụ cho lòng tham ái (tanha), và cha (pita) là ẩn dụ của ngã mạn (mana). Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ta bà luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên kiến của vô minh: thường kiến (eternalism) và đoạn kiến (annihilationism), thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6 căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần (treasurer) là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn đó.

Sau cùng, hổ tướng thứ năm chính là con quỷ thứ năm làm cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là "nghi" của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. Sau khi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại nầy thì hành giả mới thong dong, tự tại, đi đến giải thoát ..."]

5. Cậu Bé Và Quỷ Dữ Luôn luôn tự tỉnh giác... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một cậu bé con người bán củi.

Tại thành Vương-xá, có hai đứa bé thường chơi banh với nhau, một đứa là Phật tử, một đứa là con nhà ngoại đạo. Thiếu niên Phật tử thường niệm tưởng đức Phật, mỗi khi tung banh lên, em đọc "Nam mô Phật-đà". Em con nhà ngoại đạo thường xưng tụng công đức các ngoại đạo, và mỗi khi tung banh lên em đọc "Nam mô A-la-hán".

Trong trò chơi, thiếu niên Phật tử thường thắng cuộc, còn cậu bé ngoại đạo thường thua. Quan sát đối phương, cậu bé nghĩ: "Bạn trẻ này thường tưởng nhớ đức Phật và đọc như thế mỗi khi tung banh, và do đó thường thắng ta. ta cũng sẽ làm như vậy". Và em bắt đầu tập thói quen niệm tưởng Phật-đà.

Một ngày nọ, cha em đánh xe vào rừng tìm củi, đem em đi theo. Sau khi chất đầy xe củi, ông trở về. Trên đường về, ông dừng lại tại một bãi đất hỏa táng ngoài thành, chọn địa điểm sạch sẽ, đủ nước, cỏ rồi đem cơm ra ăn. Chiều đến, con bò kéo xe của ông đi theo một bầy trâu bò vào thành. Người cha chạy theo bắt bò lại, trở ra thì trời đã tối, cổng thành đóng ông không ra được. Đêm ấy, cậu bé ở ngoài bãi tha ma ngủ một mình dưới chiếc xe.

Lúc ấy, thành Vương-xá thường có vài ác quỷ lui tới, gần bãi đất hỏa táng có hai con quỷ chú ý đến cậu bé nằm ngủ ở đấy. Một con quỷ thường hay tìm mỗi trên bãi đất hỏa táng và theo tà đạo, con quỷ kia thì chân chính.

Quỷ tà bảo quỷ chính: - Đứa bé này là mồi ngon, chúng ta hãy ăn thịt nó. Quỷ chánh bảo; - Thôi đi! Đừng nghĩ bậy. Mặc dù nó cố gắng cản ngăn, quỷ tà cứ làm theo ý mình, nó nắm chân cậu bé định xé đôi. Lúc ấy, theo thói quen tưởng niệm Phật, cậu bé trong giấc ngủ chợt nói: "Nam mô Phật", con quỷ tà kinh sợ thối lui. Quỷ chánh nói: - Chúng ta làm điều không nên làm, chúng ta sẽ bị phạt.

Và để chuộc lỗi, nó đứng canh cho cậu bé, còn quỷ tà vào thành, lấy một cái dĩa bằng vàng ròng trong cung vua, đựng đầy thức ăn đem về. Cả hai con quỷ săn sóc cậu bé như cha mẹ, đánh thức cậu dậy và đưa thức ăn cho cậu. Sau đó chúng dùng quyền lực khắc thư lên dĩa kể lại câu chuyện xảy ra, bảo nhau: "Hãy để nhà vua đọc thư này, người khác không thể đọc". Để dĩa lên chiếc xe, chúng đứng canh suốt đêm, và đến sáng mới đi.

Ngày sau đó, tin truyền rằng ăn trộm lấy mất dĩa vàng của nhà vua. Dân chúng đóng cửa thành và lục tìm. Tìm không thấy, họ ra ngoài thành, lục lọi khắp nơi, họ thấy chiếc dĩa trên xe của cậu bé.

Họ túm lấy cậu và điệu về trình vua: - Đây là ăn trộm. Nhà vua nhận chiếc dĩa, đọc xong câu chuyện viết trên ấy, hỏi: - Này con, thế này nghĩa là gì? - Thưa đại vương, con không biết. Đêm rồi, cha mẹ con mang thức ăn đến cho con và canh chừng cho con ngủ. Con yên chí có cha mẹ nên không sợ và ngủ ngon. Đó là những gì con biết.

Đúng lúc ấy, cha mẹ cậu bé vừa đến. Nghe họ bảo rằng đã để con một mình ngoài thành... Nhà vua đưa cả ba đến chỗ Phật, kể lại câu chuyện và hỏi: - Bạch Thế Tôn, có phải niệm tưởng Phật là một sự che chở, hay niệm tưởng Pháp và những điều khác cũng được hộ trì? Đức Phật trả lời: - Này đại vương, niệm tưởng Phật-đà không phải chỉ là cách duy nhất có ý nghĩa được bảo hộ, nhưng người Phật tử chân chánh thực hành thâm sâu niệm tưởng một trong sáu đề mục thì không cần bất cứ sự bảo hộ nào, phương cách bảo hộ nào, câu thần chú nào, hay dược thảo nào cả.

Ngài nói kệ: (296) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Phật Đà. (297) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Chánh pháp. (298) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Tăng-già. (299) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm Thường tưởng niệm sắc thân. (300) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Ý vui niềm bất hại. (301) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Ý vui tu thiền quán.

6. Hoàng Tử Bạt Kỳ Làm Sa Môn Vui hạnh xuất gia khó... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Đại Lâm (Mahàvàna) gần thành Tỳ-xá-ly, liên quan đến một ông hoàng dòng Bạt-kỳ (Vajjian) đã xuất gia thành Sa-môn. câu chuyện như sau:

Một ông hoàng dòng Bạt-kỳ xuất gia làm Sa-môn. Thầy Sa-môn vương giả này sống ẩn cư trong một khu rừng gần thành Tỳ-xá-ly. Thành phố tổ chức đại lễ tưng bừng suốt đêm. Thầy Sa-môn hoàng tử nọ nghe tiếng xôn xao, tiếng trống tiếng nhạc từ thành Tỳ-xá-ly vọng lại, thầy nổi cơn sầu muộn, bèn buồn khóc rên rỉ: Ta cô đơn trong rừng, Như khúc cây bị bỏ. Trong đêm như đêm nay, Có ai bằng ta khổ.

Nguyên Sa-môn này đã từng là hoàng tử trong vương quốc Bạt-kỳ, khi đến phiên mình trị nước, đã từ bỏ hoàng cung xuất gia làm Sa-môn. Vào ngày trăng tròn tháng Kattika, toàn thể phố xá thành Tỳ-xá-ly treo cờ kết lọng, tổ chức hội hè. Dạ hội kéo dài tận đêm, thầy Sa-môn nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng âm nhạc, đàn lục huyền...

Khi bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử Vesàli cũng như bao nhiêu hoàng tử, đại thần trang sức lộng lẫy, đổ xô ra đường dự hội, thì thầy một mình đi kinh hành trong hành lang rộng sáu mét, trên đầu chỉ có một vầng trăng. Thầy đến ngồi trên ghế, suy nghĩ về thân phận mình, thiếu cả hội hè, thiếu cả quần aó trang sức, như khúc gỗ bị ném bỏ trong rừng.

Thầy tự nghĩ: "Có ai bất hạnh hơn ta không?" Bình thường, thầy có đủ công hạnh, và đức tính của một vị ẩn tu, nhưng trong lúc này vì bất mãn thầy đã nói như thế. Một vị lâm thần ở khu rừng ấy biết được nên tự nhủ: "Ta sẽ khuyến khích thầy", và thần nói kệ: Ngài cô đơn trong rừng, Như khúc cây bị bỏ. Nhiều người ước được thế, Như kẻ đoạ địa ngục, Ganh người ở thiên đàng.

Vị Sa-môn nghe kệ, ngày hôm sau đến chỗ đức Phật, đảnh lễ và cung kính ngồi một bên. Phật đã dự biết, và muốn nói cho thầy biết đầy đủ về khổ đau của đời sống thế gian. Ngài nói về năm thứ đau khổ trong bài kệ: (302) Vui hạnh xuất gia khó, Tại gia sinh hoạt khó, Sống bạn không đồng, khổ, Trôi lăn luân hồi, khổ, Vậy chớ sống luân hồi, Chớ chạy theo đau khổ.

7. Cư sĩ Tâm - Người Thành Tín Tín tâm, sống giới hạnh... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến cư sĩ Tâm (Citta). Citta là một nam cư sĩ giàu tâm đạo, chàng luôn được quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Tôn giả A-nan thấy thế bèn hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Chỉ khi nào Citta đến viếng Phật mới được trọng vọng như thế? Hay cũng được quý trọng khi đến thăm các người khác?

Phật dạy: - Này A-nan! Ông ấy luôn được quý trọng như vậy, dù cho đến viếng Ta hay viếng ai. Vì cư sĩ ấy đầy niềm tin, tâm đạo và đức hạnh. Người như thế, dù đi đến nơi nào cũng được tôn kính. Ngài nói kệ: (303) Tín tâm, sống giới hạnh, Đủ danh xưng, tài sản, Chỗ nào người ấy đến, Chỗ ấy được cung kính.

8. Cô Gái Đức Hạnh Người lành dù ở xa... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Cullà Subhaddà, con gái ông Cấp Cô Độc.

Thời còn niên thiếu, Cấp Cô Độc có một người bạn thân tên Úc-già, cũng con nhà Trưởng giả, họ cùng học chung một thầy, và cùng hứa hẹn rằng sau này khi thành gia thất, cả hai sẽ gả con cho nhau để kết thêm tình thân ái. Và sau đó

Cấp Cô Độc cùng Úc-già đều trở thành trưởng giả tại thành phố của mình.

Trong một chuyến buôn xa, Trưởng giả Úc-già đến thành Xá-vệ với năm trăm cỗ xe. Ông Cấp Cô Độc bèn kêu con gái, cô Cullà Subhaddà, đến dặn dò: - Này con, cha con - ông Úc-già - đến viếng nhà, con hãy săn sóc ông thật đầy đủ. - Thưa cha, vâng.

Và khi ông Úc-già đến, cô đích thân sửa soạn thức ăn với đầy đủ hương liệu, chuẩn bị phấn, kem, nước thơm, dầu xức... tất cả tiện nghi cho ông. Sau khi ông dùng bữa, cô chăm sóc phòng tắm một cách chu đáo làm tròn phận sự mình. Trưởng giả Úc-già nhận thấy cô hoàn toàn, nên hả dạ lắm. Trong một buổi nói chuyện tương đắc, ông nhắc lại với Cấp Cô Độc lời hứa ngày xưa, và xin cưới cô Cullà cho con trai mình.

Trưởng giả Úc-già theo ngoại đạo, nên ông Cấp Cô Độc đến hỏi ý kiến Phật. Thế Tôn biết Úc-già có duyên chứng Thánh quả nên khuyên ông nhận lời; và Cấp Cô Độc sau khi bàn với vợ, đã đồng ý với Úc-già, rồi định ngày hôn lễ. Như Trưởng giả Dhananiaya khi gả cô Visàkha, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng cho con thật nhiều của hồi môn. Ông cũng khuyên con mười điều: "Này con, khi sống trong nhà cha mẹ chồng, chớ đem lửa trong nhà ra ngoài...".

Ông cũng cho tám người theo đỡ đầu cho cô Cullà. - Nếu con gái ta có lỗi lầm gì với cha mẹ chồng, các ông hãy chỉ dạy nó. Ngày hôn lễ, ông cúng dường Phật và Tăng chúng trọng thể, và để chứng tỏ những quả báo tốt đẹp của cô trong quá khứ, ông đưa cô về nhà chồng trong nghi lễ hết sức huy hoàng.

Cô Cullà đến thành của Úc-già, gia đình chồng cùng tất cả thân quyến ra đón. Giống như Visàkha, cô ngồi trên chiếc xe ngựa, đi chào khắp thành trong vẻ lộng lẫy của một cô dâu. Cô nhận quà của mọi người và đáp lại tương xứng theo sở thích mỗi người, khiến cho tất cả thành phố ca ngợi vẻ đẹp và công hạnh của cô.

Cha chồng cô thường mời các đạo sĩ lõa thể đến nhà trong các dịp lễ lớn, dịp này các thầy ấy cũng có mặt. Cha chồng cô ra lệnh: - Hãy đến ra mắt và làm lễ tôn kính với các bậc thầy của ta. Nhưng cô Subhaddà không thể nhìn vào các đạo sĩ lõa thể, cô từ chối không đến chào. Lần thứ hai, lần thứ ba, cô cũng không đến chào, ông cha chồng của cô nổi giận: - Hãy đuổi con bé ấy ra khỏi nhà. Cô trả lời: - Không thể kết tội con mà không có nguyên nhân. Cô mời các vị bảo hộ đến, trình bày mọi việc, và họ công nhận cô vô tội. Ông trưởng giả thuật chuyện với vợ và bảo: - Con dâu ta từ chối không làm lễ các đạo sĩ vì nó cho rằng các thầy ấy khiếm nhã.

Bà hỏi: - Tư cách của các thầy nó thế nào mà nó tôn kính đến vậy? Bà gọi con dâu đến hỏi: Các thầy con khen ngợi Tư cách họ ra sao? Giới luật gì họ giữ? Tu tập những hạnh nào?

Để trả lời, cô Subhaddà ca tụng ân đức của Phật và các đệ tử Phật: Căn các thầy thanh tịnh, Tâm các thầy thanh tịnh. Thanh tịnh khi thầy đi, Khi đứng cũng an định. Mắt thầy luôn nhìn xuống, Miệng ít khi nói năng, Các sa-môn thầy con, Thân khẩu ý tịch lặng, Như hạt ngọc không tỳ, Trong lẫn ngoài đều sáng. Phẩm hạnh luôn xứng đáng Các thầy con như vậy. Thế gian buồn khi mất, Khi được thì vui mừng. Các thầy con không thế, Được mất đều dửng dưng. Vinh danh thế gian vui, Hổ danh thế gian sầu. Các thầy con không vậy, Vinh nhục tâm chẳng màng. Thế gian mừng được khen Thế gian buồn bị chê. Các thầy con không thế, Điềm nhiên dù khen chê. Thế gian khóc cười theo, Khổ vui trong cuộc sống. Các thầy con thanh thản, Vui khổ chẳng động lòng.

Với các câu trả lời như thế, Subhaddà làm mẹ chồng hài lòng. Bà hỏi: - Chúng ta có thể gặp các thầy của con? - Thưa, được. - Tốt lắm, hãy sắp đặt để chúng ta được gặp.

Subhaddăa liền chuẩn bị nhiều phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Cô leo lên lầu cao, hướng về phía Thế Tôn, đảnh lễ năm vóc sát đất, tưởng niệm ân đức Phật-đà, tôn kính Phật bằng hương thơm, hoa và nhang trầm, cô tung lên hư không một vốc hoa lài và thốt lên: - Bạch đức Thế Tôn, con thỉnh Ngài và chư Tăng ngày mai đến nhà con. Xin để cho Ngài biết rằng con đã cung thỉnh. Hoa lài bay qua hư không, kết lại thành tràng, dừng trước đức Phật, khi Ngài đang giảng pháp cho chúng hội. Vào lúc ấy, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng thỉnh Phật đến nhà ngày mai.

Phật trả lời: - Này Trưởng giả, Ta đã nhận lời mời của người khác. - Nhưng, đâu có ai đến trước con, Ngài đã nhận lời ai? - Cullà Subhaddà mời Ta. - Con gái con ở cách xa đây hơn một trăm hai mươi dặm, làm sao mời được? - Đúng thế, nhưng người lành dù ở xa, vẫn hiện rõ như ở gần.

Ngài nói kệ: (304) Người lành dù ở xa, Sáng tỏ như núi tuyết. Người ác dầu ở gần, Như tên bắn đêm đen. Vua trời Đế Thích biết đức Phật nhận lời thỉnh của Subhaddà, ra lệnh cho thần Vissakamma: - Hãy hoá hiện năm trăm ngôi tháp, ngày mai đưa Phật và chúng Tăng đến thành của Úc-già.

Ngày hôm sau, Vissakamma biến đủ năm trăm ngôi tháp và đứng đợi ở cổng Kỳ Viên. Đức Phật đem theo năm trăm vị A-la-hán, và Ngài cùng chúng Tăng ngồi vào tháp, bay đến thành Úc-già. Trưởng giả Úc-già cùng gia quyến theo sự chỉ

dẫn của Subhaddà đứng đợi ở con đường Phật sẽ đến. Ông thấy đức Phật và chúng Tăng đi đến trong vẻ trang nghiêm siêu phàm, lòng tràn đầy hoan hỷ.

Ông tỏ lòng cung kính rất mực, rước Phật và chúng Tăng vào nhà, tung hương rải hoa, cúng dường long trọng, thỉnh Phật ở lại bảy hôm. Phật thuyết pháp, và sau đó Trưởng giả Úc-già cùng tám mươi bốn ngàn người đều đắc Pháp nhãn. Đặc biệt ban ân cho Subhaddà, Phật chỉ định Tôn giả A-nậu-lâu-đà ở lại. Từ đó, dân thành Úc-già trở nên thần thành, giàu tâm đạo.

9. Vị Sa Môn Độc Cư Ai ngồi, nằm một mình... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Tôn giả Độc Cư. Tôn giả Độc Cư nổi tiếng trong bốn bộ chúng rằng Ngài là người đi một mình, đứng một mình và ngồi một mình. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật về Tôn giả: - Bạch Thế Tôn, Trưởng lão ấy làm như thế, như thế. Đức Phật khen ngợi: - Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo ấy có thể sống độc cư: Và khen ngợi đời sống viễn ly, đơn độc, Ngài nói kệ: (305) Ai ngồi nằm một mình, Độc hành không buồn chán. Tự điều phục một mình, Sống thoải mái rừng sâu.

*

-Hết –

✿✿✿

Nguồn: “Tích Truyện Pháp Cú” được Thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản Anh ngữ “Buddhist Legends” của học giả Eugène Watson Burlingame.